TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST Ngày: 30-6-2023 *V/v: Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Ông Bùi Khắc Thái.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *huyện N* ***tham gia phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Ngần – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 97/2023/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc: "Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn". theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐ- HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:Chị Vũ Thị L, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Ph, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Quách Văn D, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Ph, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Hiện đang đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tinh Ninh Bình (địa chỉ: Phường Đông Sơn, TP.Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình).

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/4/2023, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơnChị Vũ Thị L trình bày:

Về diễn biến quan hệ hôn nhân và gia đình:Chị Vũ Thị L và Anh Quách Văn D kết hôn năm 2011, có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Sau khi cưới anh chị sinh sống tại cùng bố mẹ anh D tại xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Chị xác định vợ chồng mâu thuẫn là do anh D chơi bời sa đà vào tệ nạn xã hội, đã nhiều lần đi cai nghiện nhưng vẫn không từ bỏ, hiện nay anh D đang đi cai nghiện bắt buộc. Vì vậy chị xác định không duy trì được cuộc sống hôn nhân với anh D, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh D để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị xác định giữa chị và anh D có 01 con chung là cháu Quách Duy Msinh ngày 07/7/2011, hiện cháu đang ở với chị, nếu ly hôn chị xin tiếp tục nuôi cháu vì anh D không đủ điều kiện để nuôi cháu, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Anh Quách Văn D thể hiện tại bản tự khai ngày 10/5/2023: Anh xác nhận về thời điểm kết hôn và chung sống như chị L trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo anh xác định là do anh nghiện ma túy, nhiều lần chị L khuyên nhủ anh từ bỏ nhưng anh không bỏ được vì vậy hiện nay anh đang phải đi cai nghiện ma túy bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Ninh Bình. Nay chị L xin ly hôn với anh thì anh cũng hoàn toàn nhất trí.

Về con chung:Anh xác định giữa anh và chị L có 01 con chung là cháu Quách Duy Msinh ngày 07/7/2011. Trong thời gian anh đi cai nghiện anh đồng ý cho chị L tiếp tục nuôi cháu, khi anh xong thời gian cai nghiện anh xin nuôi cháu và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không có yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2023 cháu Quách Duy Mcó ý kiến: Cháu mong muốn được ở với cả mẹ và bà nội.

Tại Biên bản xác minh giữa Tòa án nhân dân huyện N và Ủy ban nhân dân xã Gia Lâm, kết quả như sau:Chị Vũ Thị L và Anh Quách Văn D kết hôn năm 2011, có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Sau khi cưới anh chị sinh sống tại cùng bố mẹ anh D tại xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh D chơi bời sa đà vào tệ nạn xã hội, đã nhiều lần đi cai nghiện nhưng vẫn không từ bỏ, hiện nay anh D đang đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện tỉnh Ninh Bình. Chị L hiện nay là lao động tự do tại địa phương, có thu nhập bình quân từ 250.000đ đến 300.000đ/ngày. Đủ điều kiện để nuôi con.

Tại đơn xin xử vắng mặt các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như bản tự khai.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Do bị đơn có nơi cư trú tại xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Toà án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn"* là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện củaChị Vũ Thị L. Xử ly hôn giữaChị Vũ Thị L và Anh Quách Văn D.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Quách Duy Msinh ngày 07/7/2011 cho chị L tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành tự lập được cuộc sống. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

3. Về án phí ly hôn:Chị Vũ Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh D là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về mọi mặt. Nguyên nhân chính là do anh D chơi bời sa đà vào tệ nạn xã hội, bản thân anh D cũng thừa nhận điều này. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L với anh D là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L và anh D có 01 con chung là cháu Quách Duy M sinh ngày 07/7/2011. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị L khỏe mạnh, có thu nhập, anh D hiện đang đi cai nghiện ma túy bắt buộc nên không đủ điều kiện để nuôi cháu. Mặt khác cháu Duy cũng có nguyện vọng tiếp tục ở với chị L. Vì vậy để đảm bảo quyền và lợi ích cũng như sự ổn định cho cháu nên tiếp tục giao các cháu Duy cho chị L tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị nên không đặt ra việc giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thị L phải chịu theo quy định tại Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: - Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Vũ Thị L. Xử ly hôn giữaChị Vũ Thị L và Anh Quách Văn D.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Quách Duy Msinh ngày 07/7/2011, hiện cháu đang ở với chị L, cho chị L tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi chảu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Anh Quách Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm:Chị Vũ Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003885 ngày 24/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện N;*
- *Chi cục THADS huyện N;*
- *UBND xã Đ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH